

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
1	AAA	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	HSX	50	50
2	ABR	Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt	HSX	0	0
3	ABT	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	HSX	0	0
4	ACB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	HSX	50	50
5	ACC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	HSX	0	0
6	ACG	Công ty Cổ phần Gỗ An Cường	HSX	50	50
7	ACL	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang	HSX	0	0
8	ADC	Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	HNX	0	0
9	ADG	Công ty Cổ phần Clever Group	HSX	0	0
10	ADP	Công ty Cổ phần Sơn Á Đông	HSX	0	0
11	ADS	Công ty Cổ phần DAMSAN	HSX	0	0
12	AGG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	HSX	45	50
13	AGR	Công ty Cổ phần Chứng khoán AGRIBANK	HSX	45	50
14	AMC	Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu	HNX	0	0
15	ANV	Công ty Cổ phần Nam Việt	HSX	40	50
16	ARM	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	HNX	0	0
17	ASG	Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	HSX	0	0
18	ASM	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	HSX	30	50
19	AST	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	HSX	50	50
20	ATS	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS	HNX	0	0
21	BAB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	HNX	35	50
22	BAF	Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	HSX	50	50
23	BAX	Công ty Cổ phần Thống Nhất	HNX	0	0
24	BBC	Công ty Cổ phần Bibica	HSX	40	50
25	BBS	Công ty Cổ phần VICEM Bao bì Bút Sơn	HNX	0	0
26	BCF	Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi	HNX	0	0
27	BCM	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	HSX	50	50
28	BED	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng	HNX	0	0
29	BFC	Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	HSX	50	50
30	BHN	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	HSX	50	50
31	BIC	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	HSX	50	50
32	BID	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	HSX	50	50
33	BKC	Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn	HNX	0	0
34	BKG	Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam	HSX	0	0
35	BMC	Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định	HSX	45	50

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
36	BMI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	HSX	50	50
37	BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	HSX	50	50
38	BNA	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc	HNX	50	50
39	BPC	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	HNX	0	0
40	BRC	Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	HSX	0	0
41	BSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành	HNX	0	0
42	BSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV	HSX	50	50
43	BSR	Công ty Cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn	HSX	50	50
44	BTP	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	HSX	45	50
45	BTT	Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành	HSX	0	0
46	BTW	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	HNX	0	0
47	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	HSX	50	50
48	BVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	HNX	50	50
49	BWE	Công ty Cổ phần - Tổng công ty Nước - Môi trường Bình Dương	HSX	50	50
50	BXH	Công ty Cổ phần VICEM Bao bì Hải Phòng	HNX	0	0
51	C69	Công ty Cổ phần Xây dựng 1369	HNX	0	0
52	CAN	Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	HNX	0	0
53	CAP	Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái	HNX	50	50
54	CCI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Cù Chi	HSX	0	0
55	CCL	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	HSX	0	0
56	CCR	Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	HNX	0	0
57	CDC	Công ty Cổ phần Chương Dương	HSX	30	50
58	CDN	Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	HNX	0	0
59	CEO	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	HNX	50	50
60	CHP	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	HSX	50	50
61	CIA	Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Sân Bay Quốc Tế Cam Ranh	HNX	0	0
62	CII	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	HSX	50	50
63	CKG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang	HSX	0	0
64	CKV	Công ty Cổ phần CokyVina	HNX	0	0
65	CLC	Công ty Cổ phần Cát Lợi	HSX	50	50
66	CLH	Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI	HNX	0	0
67	CLL	Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	HSX	0	0
68	CLM	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	HNX	0	0
69	CLW	Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	HSX	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
70	CMC	Công ty Cổ phần Đầu tư CMC	HNX	0	0
71	CMG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	HSX	50	50
72	CMS	Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	HNX	0	0
73	CMV	Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	HSX	0	0
74	CNG	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	HSX	50	50
75	COM	Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu	HSX	0	0
76	CPC	Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ	HNX	0	0
77	CRC	Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	HSX	0	0
78	CRE	Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	HSX	40	50
79	CSC	Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA	HNX	0	0
80	CSM	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	HSX	50	50
81	CSV	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	HSX	50	50
82	CTB	Công ty Cổ phần Chế tạo Bom Hải Dương	HNX	0	0
83	CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecons	HSX	45	50
84	CTF	Công ty Cổ phần City Auto	HSX	40	50
85	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	HSX	50	50
86	CTI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	HSX	30	50
87	CTP	Công ty Cổ phần Hoà Bình Takara	HNX	0	0
88	CTR	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	HSX	50	50
89	CTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	HSX	50	50
90	CTT	Công ty Cổ phần Chế tạo máy Vinacomin	HNX	0	0
91	CVT	Công ty Cổ phần CMC	HSX	0	0
92	CX8	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	HNX	0	0
93	D11	Công ty Cổ phần Địa ốc 11	HNX	0	0
94	D2D	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	HSX	0	0
95	DAD	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	HNX	0	0
96	DAE	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	HNX	0	0
97	DAT	Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	HSX	0	0
98	DBC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	HSX	50	50
99	DBD	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (BIDIPHAR)	HSX	50	50
100	DBT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	HSX	0	0
101	DC2	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển - Xây dựng (DIC) số 2	HNX	0	0
102	DC4	Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings	HSX	40	50
103	DCL	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	HSX	40	50
104	DCM	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu Khí Cà Mau	HSX	50	50
105	DGC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	HSX	50	50
106	DGW	Công ty Cổ phần Thế Giới Số	HSX	50	50

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
107	DHA	Công ty Cổ phần Hóa An	HSX	50	50
108	DHC	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	HSX	50	50
109	DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	HSX	50	50
110	DHP	Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng	HNX	40	50
111	DHT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	HNX	45	50
112	DIG	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	HSX	50	50
113	DIH	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An	HNX	0	0
114	DL1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven	HNX	0	0
115	DMC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	HSX	45	50
116	DNC	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng	HNX	0	0
117	DNP	Công ty Cổ phần DNP Holding	HNX	0	0
118	DP3	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương 3	HNX	50	50
119	DPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	HSX	45	50
120	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	HSX	50	50
121	DPR	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	HSX	50	50
122	DRC	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	HSX	50	50
123	DRL	Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3	HSX	40	50
124	DSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE	HSX	45	50
125	DSN	Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	HSX	50	50
126	DST	Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long	HNX	0	0
127	DTA	Công ty Cổ phần Đệ Tam	HSX	0	0
128	DTD	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt	HNX	50	50
129	DTG	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	HNX	0	0
130	DTK	Tổng Công ty Điện lực TKV - Công ty Cổ phần	HNX	0	0
131	DTT	Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành	HSX	0	0
132	DVM	Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam	HNX	30	50
133	DVP	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	HSX	50	50
134	DXG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	HSX	50	50
135	DXP	Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá	HNX	50	50
136	DXS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	HSX	35	50
137	EBS	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	HNX	0	0
138	EIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	HSX	50	50
139	EID	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	HNX	0	0
140	ELC	Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM	HSX	50	50
141	EVF	Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	HSX	40	50
142	EVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest	HNX	0	0
143	FCM	Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	HSX	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
144	FCN	Công ty Cổ phần FECON	HSX	40	50
145	FIR	Công ty Cổ phần Địa ốc First Real	HSX	0	0
146	FIT	Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	HSX	0	0
147	FMC	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	HSX	50	50
148	FPT	Công ty Cổ phần FPT	HSX	50	50
149	FRT	Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	HSX	50	50
150	FTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	HSX	50	50
151	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	HSX	50	50
152	GDT	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành	HSX	45	50
153	GDW	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	HNX	0	0
154	GEE	Công ty Cổ phần Điện lực Gelex	HSX	50	50
155	GEG	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	HSX	40	50
156	GEX	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex	HSX	50	50
157	GIC	Công ty Cổ phần VSC Green Logistics	HNX	0	0
158	GMA	Công ty Cổ phần G-Automobile	HNX	0	0
159	GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	HSX	50	50
160	GMH	Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị	HSX	0	0
161	GMX	Công ty Cổ phần Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân	HNX	0	0
162	GSP	Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	HSX	50	50
163	GTA	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	HSX	0	0
164	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	HSX	50	50
165	HAD	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương	HNX	0	0
166	HAH	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	HSX	50	50
167	HAR	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền	HSX	0	0
168	HAT	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội	HNX	0	0
169	HAX	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	HSX	50	50
170	HCC	Công ty Cổ phần Bê tông Hòa Cầm - Intimex	HNX	0	0
171	HCD	Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	HSX	0	0
172	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	HSX	50	50
173	HDA	Công ty Cổ phần Hạng sơn Đông Á	HNX	0	0
174	HDB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh	HSX	50	50
175	HDC	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu	HSX	50	50
176	HDG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	HSX	50	50
177	HGM	Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	HNX	0	0
178	HHC	Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	HNX	0	0
179	HHP	Công ty Cổ phần HHP Global	HSX	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
180	HHS	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	HSX	30	50
181	HHV	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	HSX	45	50
182	HII	Công ty Cổ phần An Tiến Industries	HSX	0	0
183	HJS	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	HNX	40	50
184	HKT	Công ty Cổ phần Đầu tư QP Xanh	HNX	0	0
185	HLC	Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin	HNX	0	0
186	HMC	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	HSX	0	0
187	HMH	Công ty Cổ phần Hải Minh	HNX	0	0
188	HMR	Công ty cổ phần Đá Hoàng Mai	HNX	0	0
189	HNA	Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na	HSX	0	0
190	HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HSX	50	50
191	HPX	Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát	HSX	0	0
192	HQC	Công ty Cổ phần Tư vấn - Thương mại - Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	HSX	15	50
193	HRC	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	HSX	0	50
194	HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	HSX	50	50
195	HSL	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà	HSX	0	0
196	HT1	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên	HSX	50	50
197	HTC	Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	HNX	0	0
198	HTG	Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ	HSX	45	50
199	HTI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	HSX	50	50
200	HTL	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	HSX	0	0
201	HTN	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	HSX	0	0
202	HTV	Công ty Cổ phần Logistics Vicem	HSX	0	0
203	HU1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	HSX	0	0
204	HUB	Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	HSX	45	50
205	HUT	Công ty Cổ phần Tasco	HNX	40	50
206	HVH	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	HSX	30	50
207	HVT	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	HNX	50	50
208	ICG	Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	HNX	0	0
209	ICT	Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện	HSX	0	0
210	IDC	Tổng Công ty IDICO - CTCP	HNX	50	50
211	IDI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	HSX	30	50
212	IDV	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	HNX	45	50
213	IJC	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	HSX	50	50
214	ILB	Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	HSX	45	50
215	IMP	Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM	HSX	50	50
216	INC	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	HNX	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
217	INN	Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp	HNX	45	50
218	IPA	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	HNX	0	50
219	ITC	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	HSX	30	50
220	ITQ	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang	HNX	0	0
221	IVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)	HNX	0	0
222	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	HSX	50	50
223	KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	HSX	50	50
224	KDH	Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền	HSX	50	50
225	KHG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khải Hoàn Land	HSX	25	50
226	KHP	Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	HSX	30	50
227	KHS	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	HNX	0	0
228	KMR	Công ty Cổ phần Mirae	HSX	0	0
229	KMT	Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	HNX	0	0
230	KOS	Công ty Cổ phần KOSY	HSX	25	50
231	KSB	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	HSX	50	50
232	KSF	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	HNX	0	0
233	KST	Công ty Cổ phần KASATI	HNX	0	0
234	KSV	Tổng Công ty Khoáng sản TKV - Công ty Cổ phần	HNX	0	0
235	KTS	Công ty Cổ phần Đường Kon Tum	HNX	0	0
236	L10	Công ty Cổ phần Lilama 10	HSX	0	0
237	L14	Công ty Cổ phần Licogi 14	HNX	0	0
238	L18	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	HNX	0	0
239	L40	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	HNX	0	0
240	LAF	Công ty Cổ phần Chế biến Hàng Xuất khẩu Long An	HSX	0	0
241	LAS	Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	HNX	50	50
242	LBE	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ LVA	HNX	0	0
243	LBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	HSX	40	50
244	LCG	Công ty Cổ phần Lizen	HSX	50	50
245	LGC	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	HSX	35	50
246	LHC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	HNX	45	50
247	LHG	Công ty Cổ phần Long Hậu	HSX	50	50
248	LIG	Công ty Cổ phần Licogi 13	HNX	0	0
249	LIX	Công ty Cổ phần Bột Giặt LiX	HSX	50	50
250	LM8	Công ty Cổ phần Lilama 18	HSX	0	0
251	LPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam	HSX	50	50
252	LSS	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	HSX	30	50
253	MAC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Macstar	HNX	0	0
254	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	HSX	50	50

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
255	MBG	Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG	HNX	0	0
256	MBS	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	HNX	50	50
257	MCC	Công ty Cổ phần Gạch ngói cao cấp	HNX	0	0
258	MCF	Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	HNX	0	0
259	MCM	Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	HSX	50	50
260	MCO	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam	HNX	0	0
261	MCP	Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	HSX	0	0
262	MDC	Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	HNX	0	0
263	MEL	Công ty Cổ phần Thép Mê Lin	HNX	0	0
264	MHC	Công ty Cổ phần MHC	HSX	0	0
265	MIG	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	HSX	50	50
266	MKV	Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy	HNX	0	0
267	MSB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	HSX	50	50
268	MSH	Công ty Cổ phần May Sông Hồng	HSX	50	50
269	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	HSX	50	50
270	MST	Công ty Cổ phần Đầu tư MST	HNX	0	0
271	MVB	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - Công ty Cổ phần	HNX	0	0
272	MWG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	HSX	50	50
273	NAB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á	HSX	50	50
274	NAF	Công ty Cổ phần Nafoods Group	HSX	40	50
275	NAG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa	HNX	0	0
276	NAP	Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	HNX	0	0
277	NAV	Công ty Cổ phần Nam Việt	HSX	0	0
278	NBB	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	HSX	35	50
279	NBC	Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin	HNX	35	50
280	NBW	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	HNX	0	0
281	NCT	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	HSX	50	50
282	NDN	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	HNX	0	0
283	NDX	Công ty Cổ phần Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	HNX	0	0
284	NET	Công ty Cổ phần Bột giặt Net	HNX	50	50
285	NFC	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	HNX	0	0
286	NHA	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	HSX	0	0
287	NHC	Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp	HNX	0	0
288	NHH	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	HSX	0	0
289	NHT	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	HSX	0	0
290	NKG	Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	HSX	45	50

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
291	NLG	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	HSX	50	50
292	NNC	Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ	HSX	45	50
293	NO1	Công ty Cổ phần Tập đoàn 911	HSX	0	0
294	NSC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	HSX	45	50
295	NSH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhôm Sông Hồng Shalumi	HNX	0	0
296	NST	Công ty Cổ phần Ngân Sơn	HNX	0	0
297	NT2	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	HSX	50	50
298	NTH	Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong	HNX	0	0
299	NTL	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	HSX	50	50
300	NTP	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	HNX	50	50
301	OCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	HSX	50	50
302	ONE	Công ty Cổ phần Công nghệ ONE	HNX	0	0
303	OPC	Công ty Cổ phần Dược Phẩm OPC	HSX	50	50
304	PAC	Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam	HSX	50	50
305	PAN	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	HSX	50	50
306	PBP	Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	HNX	0	0
307	PC1	Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1	HSX	50	50
308	PCE	Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất dầu khí Miền Trung	HNX	0	0
309	PCH	Công ty Cổ phần Nhựa Picomat	HNX	30	50
310	PCT	Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific	HNX	0	0
311	PDB	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư DIN Capital	HNX	0	0
312	PDN	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	HSX	50	50
313	PDR	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	HSX	50	50
314	PET	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	HSX	45	50
315	PGC	Tổng Công ty Gas Petrolimex - Công ty Cổ phần	HSX	50	50
316	PGD	Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp dầu khí Việt Nam	HSX	50	50
317	PGI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	HSX	50	50
318	PGS	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	HNX	45	50
319	PHC	Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	HSX	0	0
320	PHN	Công ty Cổ phần Pin Hà Nội	HNX	0	0
321	PHR	Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	HSX	50	50
322	PIA	Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	HNX	0	0
323	PIC	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	HNX	0	0
324	PJC	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	HNX	0	0
325	PJT	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu đường thủy Petrolimex	HSX	0	0
326	PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - Công ty Cổ phần	HNX	50	50
327	PLP	Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	HSX	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
328	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	HSX	50	50
329	PMB	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	HNX	0	0
330	PMC	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	HNX	50	50
331	PMP	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	HNX	0	0
332	PMS	Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	HNX	35	50
333	PNC	Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	HSX	0	0
334	PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	HSX	50	50
335	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	HSX	50	50
336	PPC	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	HSX	50	50
337	PPP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú	HNX	0	0
338	PPS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	HNX	0	0
339	PPT	Công ty cổ phần Petro Times	HNX	40	50
340	PPY	Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Phú Yên	HNX	0	0
341	PRC	Công ty Cổ phần Logistics Portserco	HNX	0	0
342	PRE	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Hà Nội	HNX	0	0
343	PSC	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	HNX	0	0
344	PSD	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	HNX	45	50
345	PSE	Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	HNX	0	0
346	PSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	HNX	0	50
347	PSW	Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ	HNX	0	0
348	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	HSX	50	50
349	PTC	Công ty Cổ phần Đầu tư ICAPITAL	HSX	0	0
350	PTI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	HNX	0	0
351	PTS	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	HNX	0	0
352	PTX	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	HNX	0	0
353	PVB	Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	HNX	45	50
354	PVC	Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - Công ty Cổ phần	HNX	45	50
355	PVD	Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	HSX	50	50
356	PVG	Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	HNX	30	50
357	PVI	Công ty Cổ phần PVI	HNX	50	50
358	PVP	Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	HSX	50	50
359	PVS	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	HNX	50	50
360	PVT	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	HSX	50	50
361	QCG	Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai	HSX	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
362	QHD	Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức	HNX	0	0
363	QNP	Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	HSX	0	0
364	QST	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh	HNX	0	0
365	QTC	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam	HNX	0	0
366	RAL	Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	HSX	0	0
367	RCL	Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	HNX	0	0
368	REE	Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh	HSX	50	50
369	S4A	Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A	HSX	0	0
370	S55	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	HNX	0	0
371	S99	Công ty Cổ phần SCI	HNX	0	0
372	SAB	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	HSX	50	50
373	SAF	Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO	HNX	0	0
374	SAM	Công ty Cổ phần SAM Holdings	HSX	35	50
375	SBA	Công ty Cổ phần Sông Ba	HSX	45	50
376	SBG	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Cơ Khí Công Nghệ Cao Siba	HSX	30	50
377	SBT	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	HSX	50	50
378	SC5	Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	HSX	0	0
379	SCG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	HNX	0	0
380	SCR	Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín	HSX	0	50
381	SCS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	HSX	50	50
382	SD5	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	HNX	0	0
383	SD9	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	HNX	0	0
384	SDC	Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	HNX	0	0
385	SDN	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	HNX	0	0
386	SEB	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung	HNX	50	50
387	SED	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	HNX	0	0
388	SFC	Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	HSX	0	0
389	SFG	Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	HSX	40	50
390	SFI	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	HSX	45	50
391	SFN	Công ty Cổ phần Dệt lưới Sài Gòn	HNX	0	0
392	SGC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang	HNX	0	0
393	SGH	Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn	HNX	0	0
394	SGN	Công ty Cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn	HSX	50	50
395	SGR	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	HSX	30	50
396	SGT	Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	HSX	0	50
397	SHA	Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	HSX	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
398	SHB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội	HSX	50	50
399	SHE	Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà	HNX	0	0
400	SHI	Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	HSX	30	50
401	SHN	Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	HNX	0	0
402	SHP	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	HSX	50	50
403	SHS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	HNX	50	50
404	SIP	Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	HSX	50	50
405	SJ1	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu	HNX	0	0
406	SJD	Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	HSX	50	50
407	SJE	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	HNX	0	0
408	SJS	Công ty Cổ phần SJ Group	HSX	40	50
409	SKG	Công ty Cổ phần Tàu Cao tốc Superdong - Kiên Giang	HSX	50	50
410	SLS	Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	HNX	50	50
411	SMB	Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Trung	HSX	50	50
412	SMN	Công ty Cổ phần Sách và thiết bị giáo dục Miền Nam	HNX	0	0
413	SPM	Công ty Cổ phần S.P.M	HSX	0	0
414	SRC	Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	HSX	0	0
415	SSB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	HSX	50	50
416	SSC	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	HSX	45	50
417	SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	HSX	50	50
418	ST8	Công ty Cổ phần Tập đoàn ST8	HSX	0	0
419	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	HSX	50	50
420	STC	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh	HNX	0	0
421	STG	Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam	HSX	45	50
422	STK	Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ	HSX	0	0
423	STP	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà	HNX	0	0
424	SVC	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	HSX	50	50
425	SVI	Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa	HSX	50	50
426	SVN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam	HNX	0	0
427	SVT	Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	HSX	0	0
428	SZB	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	HNX	50	50
429	SZC	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	HSX	50	50
430	SZL	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	HSX	45	50
431	TA9	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	HNX	0	0
432	TBC	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	HSX	45	50
433	TBX	Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình	HNX	0	0
434	TCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	HSX	50	50
435	TCH	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	HSX	50	50

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
436	TCI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	HSX	0	0
437	TCL	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	HSX	50	50
438	TCM	Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	HSX	50	50
439	TCO	Công ty Cổ phần TCO Holdings	HSX	20	50
440	TCT	Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	HSX	40	50
441	TDC	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	HSX	30	50
442	TDG	Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global	HSX	0	0
443	TDM	Công ty Cổ phần Nước Thù Dầu Một	HSX	45	50
444	TDP	Công ty Cổ phần Thuận Đức	HSX	0	0
445	TDT	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT	HNX	0	0
446	TDW	Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	HSX	0	0
447	TEG	Công ty Cổ phần Năng Lượng và Bất động sản Trường Thành	HSX	0	0
448	TET	Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc	HNX	0	0
449	TFC	Công ty Cổ phần Trang	HNX	0	50
450	THD	Công ty Cổ phần Thaiholdings	HNX	0	0
451	THG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	HSX	45	50
452	THS	Công ty Cổ phần Thanh Hoa Sông Đà	HNX	0	0
453	TIP	Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa	HSX	50	50
454	TIX	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình	HSX	0	0
455	TJC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại	HNX	0	0
456	TKU	Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang	HNX	0	0
457	TLĐ	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	HSX	0	0
458	TLG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	HSX	50	50
459	TMB	Công ty Cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc - Vinacomin	HNX	0	0
460	TMC	Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	HNX	0	0
461	TMP	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	HSX	50	50
462	TMS	Công ty Cổ phần Transimex	HSX	45	50
463	TMX	Công ty Cổ phần VICEM Thương mại Xi măng	HNX	0	0
464	TN1	Công ty Cổ phần Rox Key Holdings	HSX	0	0
465	TNC	Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất	HSX	0	0
466	TNG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	HNX	50	50
467	TNT	Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT	HSX	0	0
468	TOT	Công ty Cổ phần Transimex Logistics	HNX	0	0
469	TPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	HSX	50	50

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
470	TPP	Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	HNX	0	0
471	TRA	Công ty Cổ phần Traphaco	HSX	50	50
472	TRC	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	HSX	50	50
473	TSB	Công ty Cổ phần Ấc quy Tia Sáng	HNX	0	0
474	TTA	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	HSX	0	0
475	TTC	Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	HNX	0	0
476	TTT	Công ty Cổ phần Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh	HNX	0	0
477	TV2	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	HSX	45	50
478	TV4	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	HNX	0	0
479	TVB	Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	HSX	20	50
480	TVD	Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	HNX	40	50
481	TVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	HSX	35	50
482	TVT	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	HSX	0	0
483	TYA	Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam	HSX	0	0
484	UIC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	HSX	40	50
485	UNI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt	HNX	0	0
486	V12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	HNX	0	0
487	VBC	Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh	HNX	0	0
488	VC1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	HNX	0	0
489	VC3	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông	HNX	40	50
490	VC6	Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons	HNX	0	0
491	VC7	Công ty Cổ phần Tập đoàn BGI	HNX	0	0
492	VCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	HSX	50	50
493	VCC	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	HNX	0	0
494	VCF	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	HSX	50	50
495	VCG	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	HSX	50	50
496	VCI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	HSX	50	50
497	VCM	Công ty Cổ phần BV Life	HNX	0	0
498	VCS	Công ty Cổ phần VICOSTONE	HNX	50	50
499	VDP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương VIDIPHA	HSX	0	0
500	VDS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	HSX	50	50
501	VFG	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	HSX	50	50
502	VFS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	HNX	30	50
503	VGC	Tổng Công ty Viglacera - Công ty Cổ phần	HSX	50	50
504	VGP	Công ty Cổ phần Càng Rau Quả	HNX	0	0
505	VGS	Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE	HNX	35	50
506	VHC	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	HSX	50	50

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
507	VHE	Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam	HNX	0	0
508	VHM	Công ty Cổ phần Vinhomes	HSX	50	50
509	VIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	HSX	50	50
510	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	HSX	50	50
511	VID	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	HSX	0	0
512	VIF	Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty Cổ phần	HNX	0	0
513	VIP	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	HSX	50	50
514	VIT	Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn	HNX	0	0
515	VIX	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	HSX	50	50
516	VJC	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	HSX	50	50
517	VLA	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang	HNX	0	0
518	VMC	Công ty Cổ phần VIMECO	HNX	0	0
519	VMD	Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex	HSX	0	0
520	VMS	Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải	HNX	0	0
521	VNC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol	HNX	0	0
522	VND	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	HSX	50	50
523	VNF	Công ty Cổ phần Vinafreight	HNX	0	0
524	VNL	Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	HSX	0	0
525	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	HSX	50	50
526	VNR	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	HNX	50	50
527	VNS	Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam	HSX	0	0
528	VPD	Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	HSX	50	50
529	VPG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	HSX	30	50
530	VPI	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	HSX	45	50
531	VPS	Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam	HSX	0	0
532	VRC	Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC	HSX	50	50
533	VRE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	HSX	50	50
534	VSA	Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	HNX	0	0
535	VSC	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	HSX	50	50
536	VSİ	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	HSX	0	0
537	VSM	Công ty Cổ phần Container Miền Trung	HNX	0	0
538	VTH	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	HNX	0	0
539	VTP	Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	HSX	50	50
540	VTZ	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	HNX	20	50
541	WCS	Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	HNX	50	50
542	YBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái	HSX	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sản Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
543	YEG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1	HSX	20	50

Lưu ý: Tỷ lệ cho vay từng mã chứng khoán trên từng tài khoản khách hàng có thể khác với bảng Danh mục cho vay ký quỹ nêu trên, tùy thuộc vào sản phẩm dịch vụ khách hàng sử dụng và quy định của VPBankS về sản phẩm dịch vụ đó từng thời kỳ